

Bản án số: 28/2018 /HNGĐ-ST
Ngày: 29-10- 2018
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Huệ

2. Ngô Thị Thanh Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh - kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Công , tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 về “ Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 (có mặt)

Cư trú: Xóm T, xã V, thành phố S, Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Trương Đức D, sinh năm 1990 (*Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do*)

Cư trú: Xóm T, xã V, thành phố S, Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn

Chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trương Đức D năm 2011, trước khi kết hôn có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã (nay là thành phố) S, hôn nhân là tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn hợp nhau thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh D sống không có trách nhiệm trong cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, vợ chồng đã ly thân được hơn một năm nay, hiện đôi bên không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Đức D.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trương Thùy L; sinh ngày 26/10/2011. Hiện con chung đang ở với chị T, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Trương Đức D trình bày : Về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn như chị T trình bày là đúng, về mâu thuẫn anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, không biết lý do chị T xin ly hôn, về con chung anh đề nghị được nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung xác định không có. Anh D đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự liên quan đến việc chị Nguyễn Thị T yêu cầu, nhưng anh D không đến tòa tham gia tiếp cận chứng cứ và hòa giải nên không biết quan điểm như thế nào về vấn đề chị T xin ly hôn, vụ kiện được đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết nuôi con chung, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện VKS nhân dân thành phố S phát biểu quan điểm:

* Về Tố Tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã

được thực hiện theo đúng trình tự tố tụng. Không có vi phạm, không có đề xuất kiến nghị gì.

* Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án:

Căn cứ điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình

- Về Quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Trương Đức D.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị Nguyễn Thị T, giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Thùy L; sinh ngày 26/10/2011. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh D.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án Phí: Chị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết về con chung với bị đơn là anh Trương Đức D. Bị đơn cư trú tại xã V, thuộc thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Trương Đức D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa tham gia tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trương Đức D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Đức D kết hôn năm 2011. Trước khi kết hôn có tìm hiểu, hôn nhân là do tự nguyện, vợ chồng có làm đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã (nay là thành phố) S, Thái Nguyên, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan

điểm, không hòa hợp trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, vợ chồng đã ly thân được một thời gian dài, đôi bên không còn quan tâm chăm sóc nhau. Chị T có đơn xin ly hôn anh D, quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh D để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh, cũng như hoà giải để anh chị hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh D không đến Tòa để tham gia hòa giải và đều vắng mặt không lý do. Điều đó chứng tỏ, anh D cố tình từ bỏ quyền phản tố, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Đức D trong quá trình chung sống đã có 01 con chung là Trương Thùy L; sinh ngày 26/10/2011 Hiện con chung đang ở với chị T, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của chị T về việc giao con chung Hội đồng xét xử thấy: Chị T là công nhân của công ty may TNG, có công việc và thu nhập, có chỗ ăn ở ổn định, hiện tại cháu L đang ở cùng chị T, được chị T chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo cháu phát triển bình thường, hơn nữa anh D hiện đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, nên thấy cần tiếp tục giao con chung như hiện tại để không ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển toàn diện của con chung và đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Thùy L; sinh ngày 26/10/2011. Không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh D.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D cho đến khi chị T có yêu cầu.

Anh D được quyền đi lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.4] Về tài sản chung, về công nợ: Nguyễn Thị T, anh D đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Chị Nguyễn Thị T với anh Trương Đức D.

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trương Đức D.

2. *Về con chung:*

- Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Trương Thùy L; sinh ngày 26/10/2011.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Trương Đức D cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trương Đức D cho đến khi chị T có yêu cầu.

Anh Trương Đức D được quyền đi lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

4. *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về công nợ :* Không có,
không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu số 0010971 ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ kết quả xét xử.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND cùng cấp ;
- Chi cục Thi hành án cùng cấp;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Bình